6. Làm Chủ tịch các Hội đồng cấp Nhà nước: Xét duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật, xét thầu quốc gia, thẩm định thành lập doanh nghiệp Nhà nước; là cơ quan thường trực hội đồng thẩm định dự án đầu tư trong nước và ngoài nước; là cơ quan đầu mối trong việc điều phối quản lý và sử dụng nguồn ODA, quản lý đăng ký kinh doanh; cấp giấy phép đầu tư cho các dự án hợp tác, liên doanh, liên kết của nước ngoài vào Việt Nam và Việt Nam ra nước ngoài. Quản lý Nhà nước đối với các tổ chức dịch vụ tư vấn đầu tư.

7. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng quỹ dự trữ Nhà nước.

8. Tổ chức nghiên cứu dự báo, thu thập xử lý các thông tin về phát triển kinh tế - xã hội trong nước và nước ngoài phục vụ cho việc xây dựng và điều hành kế hoạch.

9. Tổ chức đào tạo lại và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ công chức, viên chức thuộc Bộ quản lý.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chiến lược phát triển, chính sách kinh tế, quy hoạch và kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ phát triển và hợp tác đầu tư.

Điều 3.- Cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gồm:

a) Các cơ quan giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước:

1. Vụ Pháp luật đầu tư nước ngoài.
2. Vụ Quản lý dự án đầu tư nước ngoài.
3. Vụ Quản lý khu chế xuất và khu công nghiệp.
4. Vụ Đầu tư nước ngoài.
5. Vụ Tổng hợp Kinh tế quốc dân.
6. Vụ Kinh tế đối ngoại.
7. Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ.
8. Vụ Doanh nghiệp.
9. Vụ Tài chính tiền tệ.
10. Vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
11. Vụ Công nghiệp.
12. Vụ Thương mại dịch vụ.
13. Vụ Cơ sở hạ tầng.
14. Vụ Lao động Văn hóa xã hội.
15. Vụ Khoa học giáo dục môi trường.
16. Vụ Quan hệ Lào và Cămpuchia.
17. Vụ Quốc phòng An ninh.
18. Vụ Tổ chức Cán bộ.
19. Văn phòng Thẩm định dự án đầu tư.
20. Văn phòng Xét thầu quốc gia.
21. Văn phòng Bộ.
22. Cơ quan đại diện phía Nam.

b) Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Bộ:

1. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
2. Viện Chiến lược Phát triển.
3. Trung tâm Nghiên cứu kinh tế miền Nam.
4. Trung tâm Thông tin (gồm cả Tạp chí Kinh tế dự báo).
5. Trường Nghiệp vụ kế hoạch.
6. Báo Việt Nam Đầu tư nước ngoài.

Nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và biên chế các đơn vị trên do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định trong phạm vi tổng biên chế đã được Chính phủ quy định.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Kế hoạch và Đầu tư của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 4.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 5.- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 76-CP ngày 6-11-1995 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 24-CP ngày 24-3-1995 về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu quốc tế trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 24-CP ngày 24-3-1995 của Chính phủ về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh:

1. Khoản 3, Điều 1 được sửa lại như sau: *"Thẩm quyền xét, quyết định xuất cảnh đối với công chức, viên chức, nhân viên thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan Đảng, cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân (trước gọi là đoàn thể nhân dân) thực hiện theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng".*

2. Đoạn gạch đầu dòng thứ hai của Khoản 4, Điều 1 được sửa lại như sau: *"Hội viên của các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp (ngoài diện công chức, viên chức thuộc biên chế cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân) được tổ chức mình cử đi công tác nước ngoài".*

3. Điểm c, Khoản 2, Điều 3 được sửa lại như sau: *"Thời hạn tối đa phải hoàn thành việc cấp hộ chiếu và thị thực"*

- 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp xuất cảnh để thăm dò, khảo sát thị trường và thực hiện các hợp đồng kinh tế, thương mại, du lịch, đào tạo, lao động, chuyên gia...;

- 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp xuất cảnh vì mục đích cá nhân khác".

4. Khoản 3, Điều 4 được sửa lại như sau: *Việc mời khách nước ngoài vào làm việc với các cơ quan Đảng, cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân thực hiện theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng".*

5. Điều 5 được sửa lại như sau: *"Đối với khách thuộc các đối tượng được hưởng quy chế miễn thị thực dưới đây:*

a) Khách nhập cảnh thuộc đối tượng miễn thị thực theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận miễn thị thực ký kết giữa Chính phủ nước ta với Chính phủ nước ngoài;

b) Quan chức, viên chức của Ban Thư ký ASEAN (không phân biệt họ mang hộ chiếu gì, chỉ cần có tên trong danh sách do Ban Thư ký thông báo trước) và quan chức, viên chức của các nước thành viên ASEAN mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu Công vụ vào Việt Nam không quá 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh;

c) Công dân của các nước thành viên ASEAN mang hộ chiếu Phổ thông được Ban Thư ký ASEAN hoặc một Cơ quan, tổ chức của Việt Nam mời vào tham dự các hoạt động của ASEAN tổ chức tại Việt Nam trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh;

Thủ tục nhập cảnh giải quyết cụ thể như sau:

- Cơ quan, tổ chức đón tiếp khách có trách nhiệm thông báo cho Bộ Nội vụ ít nhất là 3 ngày trước ngày khách nhập cảnh về nhân sự, mục đích và chương trình hoạt động, thời gian tạm trú của khách tại Việt Nam;

- Bộ Nội vụ có quyền không cho nhập cảnh hoặc buộc xuất cảnh nếu xét thấy nhân sự thuộc đối tượng không được nhập cảnh vì lý do an ninh hoặc đã bị Việt Nam trục xuất;

- Trạm Công an cửa khẩu quốc tế có trách nhiệm kiểm tra và ghi thời hạn khách được tạm trú tại Việt Nam vào hộ chiếu hoặc Visa của khách nhưng không được vượt thời hạn tối đa quy định trong Hiệp định. Thỏa thuận song phương hoặc thời hạn quy định tại điểm b, điểm c của Điều này.

6. Điều 8 được sửa lại như sau: *"Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được quyền xét cấp nhanh thị thực (trong 1 - 2 ngày) cho các trường hợp quy định dưới đây:*

c) Công dân của các nước thành viên ASEAN mang hộ chiếu Phổ thông (ngoài diện được miễn thị thực nêu tại điểm c Điều 5) nhập cảnh Việt Nam trong thời gian không quá 15 ngày với mục đích thăm viếng, hội nghị, hội thảo, khảo sát thị trường đầu tư và thương mại, triển khai các dự án hoặc hợp đồng về đầu tư, viện trợ, du lịch (theo đoàn từ 5 người trở lên) theo chương trình do các Công ty du lịch lữ hành quốc tế của Việt Nam tổ chức;

b) Người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam mời vào làm việc với các đối tác ở Việt Nam trong thời gian không quá 15 ngày để thúc đẩy thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh tế, đầu tư, thương mại, chuyển giao công nghệ, du lịch (theo đoàn từ 5 người trở lên do các Công ty Du lịch lữ hành quốc tế của Việt Nam tổ chức), nếu khách xuất trình một trong các giấy tờ hợp lệ sau đây:

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Giấy mời hoặc điện mời của cơ quan có thẩm quyền mời khách của Việt Nam;

- Giấy phép đầu tư, liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh tế, thương mại; chuyển giao công nghệ, du lịch...;

- Giấy tờ chứng minh đã nhập cảnh Việt Nam lần trước cách lần nhập cảnh này chưa quá 12 tháng.

c) Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (kể cả những người được Chính phủ nước ngoài cấp hộ chiếu) xin nhập cảnh với mục đích thăm thân nhân trong thời gian không quá 90 ngày, nếu có giấy tờ chứng minh đã nhập cảnh Việt Nam lần trước cách lần nhập cảnh này chưa quá 36 tháng;

d) Một số đối tượng có công hàm của Chính phủ hoặc Cơ quan Đại diện của Chính phủ nước ngoài đề nghị Sứ quán ta giải quyết khẩn cấp.

Sau khi cấp thị thực cho khách theo quy định tại Điều này, Cơ quan Đại diện có trách nhiệm thông báo kịp thời (họ, tên, số hộ chiếu, số và ngày thị thực, thời gian nhập cảnh và tạm trú) về Bộ Nội vụ và cơ quan đón tiếp ở trong nước để theo dõi, quản lý.

Bộ Nội vụ có quyền không cho nhập cảnh hoặc buộc xuất cảnh nếu xét thấy nhân sự thuộc đối tượng không được nhập cảnh vì lý do an ninh hoặc đã vi phạm pháp luật Việt Nam trong lần nhập cảnh trước".

7. Khoản 1, Điều 9 được sửa lại như sau: *"Thị thực Việt Nam được cấp trực tiếp vào hộ chiếu của khách. Hạn chế việc cấp thị thực rời trừ trường hợp đặc biệt để bảo đảm yêu cầu đối ngoại, an ninh, nghiệp vụ kỹ thuật do Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao thống nhất quy định".*

Điều 2.- Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm thông báo chính thức cho Ban Thư ký ASEAN và Chính phủ các nước thành viên ASEAN về quyết định của Chính phủ Việt Nam miễn thị thực cho các đối tượng quy định tại Khoản 5b, 5c và việc cấp thị thực nhanh cho các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Nghị định này, đồng thời đề nghị Chính phủ các nước thành viên ASEAN cũng áp dụng Quy chế Miễn thị thực và cấp thị thực nhanh cho các đối tượng tương tự của Việt Nam.

Trường hợp Chính phủ nước thành viên ASEAN nào không đồng ý áp dụng Quy chế Miễn thị thực và cấp nhanh thị thực cho các đối tượng tương tự của Việt Nam, thì Bộ Ngoại giao báo cáo Chính phủ cho chủ trương đàm phán ký kết Hiệp định hoặc Thỏa thuận song phương để thực hiện theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận ký kết đó.

Điều 3.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 24-CP ngày 24-3-1995 và những điểm sửa đổi, bổ sung trong Nghị định này.

Điều 4.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 77-CP ngày 6-11-1995 về đặt Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để thực hiện việc sắp xếp các tổ chức hành chính Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay đặt Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao.

Điều 2.- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài phối hợp với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xây dựng quy chế làm việc của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com